



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 07 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm Lavergne**

Laboratory: **Lavergne Laboratory**

Tổ chức/ Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Lavergne Việt Nam**

Organization: **Lavergne Vietnam Company Limited**

Số hiệu/Code: **VILAS 701**

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hóa, Cơ**

Field: **Chemical, Mechanical**

Người quản lý
Laboratory manager: **Huỳnh Viết Thắng**

Hiệu lực công nhận/
Period of validation: **Kể từ ngày /07/2026 đến ngày /07/2031**

Địa chỉ/ Address: **Lô số 5, đường số 3, khu công nghiệp Điện Nam-Điện Ngọc,
phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng
Lot 5, Street 3, Dien Nam - Dien Ngoc Industrial Park, Dien Ban Dong ward,
Da Nang city**

Địa điểm/Location: **Lô số 5, đường số 3, khu công nghiệp Điện Nam-Điện Ngọc,
phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng
Lot 5, Street 3, Dien Nam - Dien Ngoc Industrial Park, Dien Ban Dong ward,
Da Nang city**

Điện thoại/ Tel: **(084) 0235 3942505**

E-mail:

Website:

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 701****Lĩnh vực thử nghiệm: Hoá****Field of testing: Chemical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Nhựa PC Nhựa PET tái sinh Nhựa PET nguyên sinh <i>Polycarbonate (PC) Plastics Recycle PET Plastics Original PET Plastics</i>	Xác định tỷ trọng Phương pháp A <i>Determination of specific gravity Method A</i>	Max 31 g	ASTM D792-20
2.		Xác định độ ẩm <i>Determination of humidity</i>	Max 2 %	ASTM D6869-25
3.		Xác định hàm lượng tro Phương pháp A, nhiệt độ 650 °C <i>Determination of ash content Method A, temperature 650 °C</i>	-	Lab-001:2025 (Ref. ASTM D5630-22)

Ghi chú/Note:

- ASTM: Hiệp hội các nhà thử nghiệm và vật liệu Hoa Kỳ/*American Society for Testing and Materials*:
- Lab-001: Phương pháp do phòng thí nghiệm xây dựng/*Developed laboratory method*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 701

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of testing: Mechanical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Nhựa PC <i>Polycarbonate (PC) Plastics</i>	Xác định chỉ số chảy Phương pháp A <i>Determination of melt flow rates Method A</i>	(0,15 ~ 50) g/10 min	ASTM D1238-23
2.		Thử cháy theo phương ngang <i>Horizonttal burning test (HB)</i>	-	UL 94:2026
3.	Nhựa PC Nhựa PET tái sinh Nhựa PET nguyên sinh <i>Polycarbonate (PC) Plastics</i> <i>Recycle PET Plastics</i> <i>Original PET Plastics</i>	Xác định độ lưu động của chất dẻo bằng lưu tốc kế mao dẫn <i>Determination of the fluidity of plastics using capillary rheometers</i>	Max 250 Pa x giây/second	ASTM D3835-24
4.		Xác định độ bền va đập Phương pháp A: Con lắc Izod <i>Determination of the impact resistance Method A: Izod pendulum</i>	Max 5 J	ASTM D256-26
5.		Xác định: - Độ bền kéo đứt - Độ giãn dài khi đứt - Mô đun đàn hồi <i>Determination of:</i> - <i>Tensile strength at break</i> - <i>Elongation at break</i> - <i>Elasticity modulus</i>	Độ bền kéo đứt/ <i>Tensile strength at break:</i> Min: 15 MPa	ASTM D638-22
			Độ giãn dài khi đứt/ <i>Elongation at break:</i> Max: 50%	
			Mô đun đàn hồi/ <i>Elasticity modulus</i> Min: 1000 MPa	
6.		Xác định: - Độ bền uốn - Mô đun uốn <i>Determination of:</i> - <i>Flexural stress</i> - <i>Modulus elasticity</i>	Độ bền uốn/ <i>Flexural stress</i> Min: 20 MPa	ASTM D790-25
			Mô đun uốn/ <i>Modulus elasticity</i> Min: 1000 MPa	
7.	Xác định nhiệt độ võng nhiệt Phương pháp B <i>Determination of deflection temperature Method B</i>	Max 250 °C	ASTM D648-18	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 701**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
8.	Nhựa PET tái sinh Nhựa PET nguyên sinh Recycle PET Plastics Original PET Plastics	Xác định nhiệt độ chảy và nhiệt độ kết tinh Phương pháp đo nhiệt lượng quét vi sai <i>Determination of melting peak temperature and crystallization peak temperature</i> <i>Differential scanning calorimetry (DSC) method</i>	Max 450 °C	ASTM D3418-21

Ghi chú/Note:

- ASTM: Hiệp hội các nhà thử nghiệm và vật liệu Hoa Kỳ/*American Society for Testing and Materials*;
- UL: Tổ chức chứng nhận và kiểm định an toàn UL/*Underwriter Laboratory*

Trường hợp Công ty TNHH Lavergne Việt Nam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH Lavergne Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Lavergne Vietnam Company Limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

